

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2025/DS-ST**
Ngày: 14-01-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC - TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ninh Khắc Phong**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Hạnh**

Bà **Phạm Thị Tư**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Văn Dự** - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Chung** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2024, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2024/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Mai Thị Thanh U**, sinh năm 1973; địa chỉ: Số B N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Trần Thị Tuyết N**, sinh năm: 2000; địa chỉ: Thôn G, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Văn bản ủy quyền ngày 26/6/2024 (Vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà **Trần Thái Bảo T**, sinh năm 1976; địa chỉ: Số A T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày: Bà U với bà T chỗ quen biết nhau đã lâu nên từ năm 2021 khi bà T hỏi vay tiền, bà U đã cho bà T vay, mượn nhiều lần. Tất cả khoản vay bà T đứng ra vay một mình, không liên quan tới chồng bà T, cụ thể các lần như sau:

- Ngày 23/12/2021, bà T có vay của bà U 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng), lãi suất hai bên thoả thuận là 1.5%/tháng, thời hạn vay 01 tháng.

- Ngày 16/05/2022, bà T có vay bà U số tiền là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng). Số tiền này được bà U nhờ một người bạn của bà U là bà Nguyễn Thị

Thuyền C từ tài khoản Ngân hàng Thương mại cổ phần N1, có ghi nội dung chuyển khoản “Uyên cho T mượn” và được bà T xác nhận qua tin nhắn là đã nhận đủ số tiền 700.000.000đ. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 1.5%/tháng, thời hạn vay 01 tháng. Khoản vay này thì bà T đã trả được cho bà U 400.000.000đ, còn nợ lại 300.000.000đ.

Nay bà U yêu cầu bà Trần Thái Bảo T trả lại cho bà U số tiền gốc là 1.800.000.000đ (Một tỷ, tám trăm triệu đồng); yêu cầu bà T trả tiền lãi trong hạn là 33.000.000đ; tiền lãi quá hạn tính từ ngày 24/01/2022 đến ngày 24/7/2024 của khoản vay gốc 1.500.000.000đ là 597.600.000đ; nợ tiền lãi quá hạn tính từ ngày 17/6/2022 đến ngày 24/7/2024 của khoản vay gốc 300.000.000đ là 100.845.000đ (lãi suất quá hạn tính 1,245%/tháng). Tổng cộng 2.531.445.000đ (Hai tỷ năm trăm ba mươi một triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn trình bày: Bị đơn bà Trần Thái Bảo T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn bà Trần Thái B Thanh vắng mặt không có lý do. Mặt khác, nguyên đơn bà Mai Thị Thanh U có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 18/12/2024 nguyên đơn bà Mai Thị thanh U yêu cầu bị đơn bà Trần Thái Bảo T phải trả số tiền gốc còn nợ là 1.800.000.000đ và 89.640.000đ tiền lãi (lãi tính 0,83%/tháng, thời gian tính từ ngày 20/6/2024 đến ngày 20/12/2024), tổng cộng là 1.889.640.000đ; đối với phần tiền lãi còn lại thì rút yêu cầu.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị Tuyết N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt; bị đơn bà Trần Thái B Thanh vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Đối với việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Thanh U về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với bị đơn bà Trần Thái Bảo T. Buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà U 1.800.000.000đ tiền nợ gốc và 89.640.000đ tiền nợ lãi chậm trả. Đình chỉ phần yêu cầu tiền lãi 1.079.610.000đ của nguyên đơn.

Về án phí: Buộc bị đơn bà Trần Thái Bảo T phải chịu 68.689.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Mai Thị Thanh U không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà U yêu cầu bị đơn bà T phải trả tổng số tiền gốc còn nợ 1.800.000.000đ và 89.640.000đ tiền nợ lãi chậm trả xuất phát từ việc cho vay tiền vào ngày 23/12/2021 và ngày 16/6/2022. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”. Bị đơn, bà T có địa chỉ cư trú tại số A T, phường L, thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Phiên tòa ngày 20 tháng 12 năm 2024, bị đơn bà T đã được triệu tập hợp lệ theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị Tuyết N là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Trần Thái Bảo T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[1.3] Về nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện: Trong đơn khởi kiện nguyên đơn bà U yêu cầu bị đơn bà T phải trả số tiền gốc 1.800.000.000đ và 1.169.250.000đ tiền lãi, tổng cộng là 2.969.250.000đ; trong quá trình giải quyết vụ án bà N là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu bà T phải trả 2.531.445.000đ cho bà U, trong đó tiền nợ gốc 1.800.000.000đ và 731.445.000đ nợ lãi. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 18/12/2024 nguyên đơn bà U chỉ yêu cầu bị đơn bà T phải trả số tiền gốc còn nợ là 1.800.000.000đ và 89.640.000đ tiền lãi (lãi tính 0,83%/tháng, thời gian tính từ ngày 20/6/2024 đến ngày 20/12/2024), các khoản tiền lãi khác thì rút lại. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ vào các Điều 217, 218, 219 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần yêu cầu buộc bị đơn phải trả 1.079.610.000đ tiền lãi.

[2] Về việc áp dụng pháp luật nội dung và nghĩa vụ giao nộp chứng cứ:

[2.1] Về việc áp dụng pháp luật: Các bên đương sự đang tranh chấp về số tiền gốc 1.800.000.000đ tiền nợ gốc và 89.640.000đ tiền nợ lãi chậm trả. Như vậy, tranh chấp giữa các bên là tranh chấp giữa các cá nhân phát sinh trong hoạt động giao dịch dân sự nên cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết nội dung vụ án.

[2.2] Về nghĩa vụ giao nộp chứng cứ: Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì: “*Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp*”. Như vậy, việc cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp thuộc trách nhiệm của đương sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Mai Thị Thanh U về việc buộc bị đơn bà Trần Thái Bảo T phải trả số tiền gốc 1.800.000.000đ thì thấy rằng:

[3.1.1] Để chứng minh cho yêu cầu của mình, nguyên đơn xuất trình cho Tòa án bản chính Giấy vay tiền đề 23/12/2023; Bản sao kê tài khoản khách hàng số 50103495050001 mang tên Nguyễn Thị T1 và 02 tờ giấy A4 in tin nhắn Zalo “Thanh Tran” từ điện thoại.

- Tại bản chính Giấy vay tiền đề 23/12/2023 thể hiện nội dung: Bà T có vay của bà U số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng), dưới mục bên vay ký tên có chữ ký, chữ viết Trần Thái Bảo T.

- Tại bản chính Bản sao kê tài khoản khách hàng số 50103495050001 mang tên Nguyễn Thị T1 thể hiện nội dung: Trong ngày 16/6/2022 tài khoản này của bà T1 đã chuyển 02 lần tiền, 01 lần 400.000.000đ và 01 lần 300.000.000đ với nội dung “*Uyên cho T mượn*”.

- Tại 02 tờ giấy A4 in tin nhắn Zalo Thanh T2 từ điện thoại thể hiện nội dung xác nhận “*Ngày 26/5/2022 em mượn của chị U 700tr, em đã nhận đủ 700tr*”.

[3.1.2] Tại thông báo cung cấp thông tin số: 407/TB/NHNA-B.LOC ngày 19/12/2024 của Ngân hàng N2 - Phòng G xác nhận: Chủ tài khoản: NGUYỄN THỊ T1, số tài khoản: 501034950500001 mở tại Ngân hàng TMCP N2.

- Thời điểm ngày 16/06/2022 vào lúc 14 giờ 10 phút số tài khoản 501034950500001 của khách hàng Nguyễn Thị T1 đã thực hiện chuyển thành công số tiền 400.000.000VND (Bốn trăm triệu đồng) đến số tài khoản ngân hàng TMCP S 050100229665 của Trần Thái Bảo T tương ứng với số giao dịch 501DN012216705WB với nội dung “Uyen cho thanh mượn”.

- Thời điểm ngày 16/06/2022 vào lúc 14 giờ 11 phút số tài khoản 501034950500001 của khách hàng Nguyễn Thị T1 đã thực hiện chuyển thành công số tiền 300.000.000 VND (Ba trăm triệu đồng) đến số tài khoản ngân hàng TMCP S 050100229665 của Trần Thái Bảo T tương ứng với số giao dịch 501DN012216705WG với nội dung “Uyen cho T mượn”.

[3.1.3] Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 11/11/2024, bà Nguyễn Thị T1 đã thể hiện ý kiến: Ngày 16/6/2022 bà U có nhờ bà chuyển giùm cho số tài khoản tên Trần Thái Bảo T của Ngân hàng S1 số tiền 700.000.000đ với nội dung “*Uyen cho*”

T mượn”. Bà chỉ chuyển giùm số tiền này, chứ bà không liên quan đến khoản vay của bà U và bà T.

[3.1.4] Bị đơn bà Trần Thái Bảo T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà U. Như vậy, bà T không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bà U đưa ra. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc bà U cho bà T tổng số tiền gốc 2.200.000.000đ là sự thật.

[3.1.5] Cả 02 khoản vay 1.5000.000.000đ và 700.000.000đ nêu trên đều không thể hiện thời hạn. Theo bà U thì thời hạn vay 01 tháng nhưng đến nay bà T chỉ trả được 400.000.000đ tiền gốc của khoản vay 700.000.000đ, các khoản gốc còn lại thì chưa trả. Còn bà T thì sau khi được Tòa án thông báo việc khởi kiện của bà U nhưng không có ý kiến phản đối. Vì vậy, cần buộc bà T phải trả cho bà U số tiền gốc 1.800.000.000đ còn nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 280, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Mai Thị Thanh U về việc buộc bị đơn bà Trần Thái Bảo T phải trả số tiền 89.640.000đ lãi chậm trả (thời gian tính lãi từ ngày 20/6/2024 đến ngày 20/12/2024, mức lãi suất 0,83%/tháng) thì thấy rằng:

Trong cả 02 khoản vay 1.5000.000.000đ và 700.000.000đ này đều không thể hiện thời hạn và lãi suất. Bà U cho rằng thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất là 1.5%/tháng nhưng không có chứng cứ nào chứng minh. Trong khi bà T không thể hiện ý kiến gì. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định trường hợp này là vay không thời hạn và không lãi suất.

Bà U không có chứng cứ nào chứng minh cho việc bà đã yêu cầu bà T phải trả tiền nợ trước khi bà khởi kiện đến Tòa án. Như vậy, trong trường hợp này kể từ ngày 20/6/2024 (ngày Tòa án nhận được đơn khởi kiện của bà U) là ngày bà T có nghĩa vụ trả nợ cho bà U nhưng đến nay bà T chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền.

Tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 về *“Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền”* quy định:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

Tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 về *“Lãi suất”* quy định:

“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Do các bên không thỏa thuận về mức lãi chậm trả nên mức lãi suất chậm trả trong trường hợp này là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng). Từ ngày

20/6/2024 đến ngày 20/12/2024 là 06 tháng, tiền lãi cụ thể như sau: $1.800.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 06 \text{ tháng} = 89.640.000đ$.

Như vậy, tiền lãi suất chậm trả mà nguyên đơn yêu cầu không vượt quá tiền lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật. Vì vậy, cần chấp nhận khoản tiền lãi suất chậm trả là 89.640.000đ nêu trên của nguyên đơn là phù hợp với Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Buộc bị đơn bà Trần Thái Bảo T phải chịu 68.689.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà U không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc đối với vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 và các Điều 92, 147, 175, 177, 179, 205, 207, 217, 220; 227, 228, 262, 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 280, 357, 463, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” của nguyên đơn bà Mai Thị Thanh U đối với bị đơn bà Trần Thái Bảo T.

Buộc bà Trần Thái Bảo T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Mai Thị Thanh U số tiền nợ gốc 1.800.000.000đ và 89.640.000đ tiền lãi chậm trả, tổng cộng là 1.889.640.000đ (*Một tỷ tám trăm tám mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Thanh U đối với yêu cầu buộc bị đơn bà Trần Thái Bảo T phải trả 1.079.610.000đ (*Một tỷ không trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm mười nghìn đồng*) tiền nợ lãi.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thái Bảo T phải chịu 68.689.000đ (*Sáu mươi tám triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Mai Thị Thanh U không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà U 45.633.000đ (*Bốn mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006489 ngày 08/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- Lộc;
- Chi cục THADS thành phố Bảo Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ninh Khắc Phong